



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 10 | Tháng 10 Năm 2023

NỘI DUNG CHÍNH

CẬP NHẬT QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT MỚI NHẤT

- Nhiều thay đổi liên quan đến quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
- Giảm tiền thuê đất của năm 2023.

BÀI VIẾT

Có nên chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại không?

GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

- Chính sách miễn tiền thuê đất.
- Đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc có mã số thuế đã chuyển trạng thái thành người nộp thuế.
- Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có lợi nhuận từ việc đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.
- Xác định giao dịch liên kết.

ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

- Đề xuất giảm thuế VAT 2% trong nửa đầu năm sau.
- Dự kiến giảm 50% thuế môi trường với xăng dầu đến hết năm 2024.

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Nhiều thay đổi liên quan đến quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Ngày 18/9/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2023/NĐ-CP (“**Nghị định 70/2023**”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152/2020/NĐ-CP (“**Nghị định 152/2020**”) quy định về người lao động (NLD) nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý NLD Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam với những điểm mới đáng chú ý sau đây:

1.1 Thay đổi thẩm quyền cấp văn bản chấp thuận sử dụng lao động nước ngoài

Trước đây, thẩm quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận việc sử dụng lao động nước ngoài thuộc về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 1 của Nghị định 70/2023, Bộ LĐTBXH hoặc Sở LĐTBXH được quy định là các cơ quan có thẩm quyền ra văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng NLD nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người sử dụng lao động đã báo cáo.

1.2 Nói điều kiện chuyên môn đối với NLD nước ngoài

Nghị định 70/2023 đã điều chỉnh yêu cầu đối với NLD nước ngoài là chuyên gia, giám đốc điều hành, lao động kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài vào Việt Nam làm việc. Cụ thể, thay vì quy định chuyên gia là NLD nước ngoài phải có bằng đại học đúng chuyên ngành dự kiến làm việc như trước đây, nay chỉ cần tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc phù hợp với vị trí công việc dự kiến làm việc tại Việt Nam.

Theo quy định mới, giám đốc điều hành không chỉ là người đứng đầu và trực

tiếp điều hành đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà được quy định với phạm vi rộng hơn bao gồm:

- Người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.
- Người đứng đầu và trực tiếp điều hành ít nhất 01 lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Lao động kỹ thuật nước ngoài cũng được bỏ yêu cầu làm đúng chuyên ngành được đào tạo mà thay vào đó, chỉ cần được đào tạo ít nhất 01 năm và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm phù hợp với vị trí công việc dự kiến làm tại Việt Nam.

1.3 Rút ngắn thời gian báo cáo nhu cầu sử dụng NLD nước ngoài

Nghị định 70/2023 đã rút ngắn thời gian xác định nhu cầu sử dụng NLD nước ngoài xuống còn ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLD nước ngoài (thay vì 30 ngày như quy định tại Nghị định 152/2020).

Trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLD nước ngoài, người

sử dụng lao động (trừ nhà thầu) có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng NLD nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà NLD Việt Nam chưa đáp ứng được và báo cáo giải trình với Bộ LĐTBXH hoặc Sở LĐTBXH nơi NLD nước ngoài dự kiến làm việc theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I của Nghị định 70/2023.

Trong quá trình thực hiện nếu thay đổi nhu cầu sử dụng NLD nước ngoài về vị trí, chức danh công việc, hình thức làm việc, số lượng, địa điểm thì người sử dụng lao động phải báo cáo Bộ LĐTBXH hoặc Sở LĐTBXH theo Mẫu số 02/PLI Phụ lục I của Nghị định 70/2023 trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLD nước ngoài.

1.4 Điều chỉnh các trường hợp không phải thực hiện xác định nhu cầu sử dụng NLD nước ngoài

Nghị định 70/2023 đã loại bỏ 04 trường hợp người nước ngoài thuộc diện không cần làm thủ tục xác định nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài, bao gồm:

- (1) Người nước ngoài vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA theo quy định hoặc thỏa thuận đã ký kết giữa Việt Nam và phía nước ngoài;
- (2) Người nước ngoài được Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động thông tin, báo chí tại Việt Nam;
- (3) Người nước ngoài vào Việt Nam làm tình nguyện viên theo hình thức tự nguyện và không hưởng lương

để thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam; và

- (4) Người nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận vào Việt Nam để làm công việc giảng dạy, nghiên cứu; hoặc làm nhà quản lý, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, hiệu phó của cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập.

Như vậy, từ 18/9/2023, khi sử dụng những NLD nước ngoài trên đây, doanh nghiệp buộc phải làm thủ tục xác nhận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài.

1.5 Thông báo tuyển dụng NLD Việt Nam vào làm việc tại vị trí dành cho NLD nước ngoài phải được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử

Kể từ ngày 01/01/2024, việc thông báo tuyển dụng NLD Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng NLD nước ngoài được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của Bộ LĐTBXH (Cục Việc làm: <http://doe.gov.vn/>) hoặc Cổng thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập trong thời gian ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến báo cáo giải trình với Bộ LĐTBXH hoặc Sở LĐTBXH nơi NLD nước ngoài dự kiến làm việc.

Thông báo tuyển dụng bao gồm các nội dung sau: vị trí và chức danh công việc, mô tả công việc, số lượng, yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm, mức lương, thời gian và địa điểm làm việc. Nếu không

tuyển được NLD Việt Nam vào các vị trí tuyển dụng NLD nước ngoài, người sử dụng lao động phải làm thủ tục xác định nhu cầu sử dụng NLD nước ngoài theo quy định.

1.6 Bổ sung quy định liên quan đến giấy phép lao động (“GPLĐ”)

- **Cấp lại GPLĐ:** Khoản 7 Điều 1 của Nghị định 70/2023 bổ sung trường hợp đổi tên doanh nghiệp mà không thay đổi mã số doanh nghiệp ghi trong GPLĐ còn thời hạn sẽ được cấp lại GPLĐ.
- **Không phải xin GPLĐ:** Khoản 7 Điều 1 của Nghị định 70/2023 cũng bổ sung thêm trường hợp NLD nước ngoài vào Việt Nam làm việc không phải xin GPLĐ, bao gồm:

- (1) Người nước ngoài được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cử sang Việt Nam giảng dạy hoặc làm nhà quản lý, giám đốc điều hành tại cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam; các cơ sở, tổ chức được thành lập theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia; và
- (2) Người nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận NLD nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các công việc: Giảng dạy, nghiên cứu; Làm nhà quản lý, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam.

- **Chấp nhận GPLĐ trước đây để chứng minh kinh nghiệm làm việc:** Nghị định 70/2023 cho phép NLD nước ngoài là chuyên gia, lao động kỹ thuật sử dụng GPLĐ đã được cấp trước đây hoặc xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ đã được cấp để chứng minh kinh nghiệm làm việc. Quy định mới này giải quyết nhiều khiếu nại của người sử dụng lao động và hỗ trợ nghĩa vụ chứng minh kinh nghiệm của NLD nước ngoài.
- **Cho phép cấp GPLĐ bản điện tử:** Ngoài GPLĐ bản giấy theo mẫu như hiện nay, Nghị định 70/2023 cho phép cấp GPLĐ bản điện tử nhưng phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật liên quan và đáp ứng nội dung theo mẫu GPLĐ.

1.7 NLD nước ngoài kết hôn với người Việt Nam phải xin Giấy xác nhận miễn GPLĐ

Trước Nghị định 70/2023, NLD nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam được miễn GPLĐ. Trong trường hợp này, vì người sử dụng lao động không phải làm thủ tục xác nhận NLD nước ngoài không thuộc diện cấp GPLĐ nên không có bất kỳ xác nhận hoặc chứng nhận nào về việc miễn GPLĐ (chỉ cần báo cáo cơ quan quản lý lao động nơi NLD nước ngoài dự kiến làm việc). Nhưng kể từ Nghị định 70/2023, người sử dụng lao động phải xin cấp Giấy xác nhận miễn GPLĐ cho NLD nước ngoài kết hôn với người Việt Nam. Dựa trên Giấy xác nhận này, người sử dụng lao động có thể hỗ trợ NLD nước ngoài xin thị thực (visa)/thẻ tạm trú theo diện lao động.

1.8 Chế độ báo cáo đối với NLD nước ngoài làm việc tại nhiều tỉnh, thành

Theo khoản 3 Điều 1 của Nghị định 70/2023, trường hợp NLD nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày NLD nước ngoài bắt đầu làm việc, người sử dụng lao động phải báo cáo (hình thức online) về Bộ LĐTBXH và Sở LĐTBXH nơi NLD nước ngoài đến làm việc theo Mẫu số 17/PLI Phụ lục I của Nghị định 70/2023.

1.9 Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế ngưng tiếp nhận hồ sơ về lao động nước ngoài

Điều 2 của Nghị định 70/2023 đã bãi bỏ một số quy định của Nghị định 35/2022/NĐ-CP về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. Do đó, kể

từ ngày 18/9/2023, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế sẽ ngưng tiếp nhận hồ sơ về lao động nước ngoài trong các trường hợp sau:

- Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ và xác nhận NLD nước ngoài không thuộc diện cấp GPLĐ cho người nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Tiếp nhận báo cáo tình hình sử dụng NLD nước ngoài; và
- Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được.

Nghị định 70/2023 sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành, tức ngày 18/9/2023.

2. Giảm tiền thuê đất của năm 2023

Ngày 03/10/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 25/2023/QĐ-TTg (“Quyết định 25/2023”) về giảm tiền thuê đất của năm 2023, cụ thể như sau:

2.1 Đối tượng áp dụng

Tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (sau đây gọi là người thuê đất), bao gồm cả người thuê đất không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất, hết thời hạn được miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người thuê đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định của

pháp luật về đất đai (Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai) và pháp luật khác có liên quan.

2.2 Mức giảm tiền thuê đất

Mức giảm là 30% tiền thuê đất phải nộp (phát sinh thu) của năm 2023 cho người thuê đất trong diện được giảm.

Lưu ý:

- Số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2023 và tiền chậm nộp (nếu có) sẽ không được giảm theo quy định.

- Mức giảm 30% được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (phát sinh thu) sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật trong trường hợp người thuê đất đang được giảm tiền thuê đất hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định.

chính) cho cơ quan thuế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, cơ quan khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn nộp hồ sơ: Từ ngày 20/11/2023 đến hết ngày 31/3/2024.

Lưu ý, nếu hồ sơ nộp sau ngày 31/3/2024, người thuê đất sẽ không được giảm tiền thuê đất theo quy định.

Quyết định 25/2023 sẽ có hiệu lực kể từ ngày 20/11/2023.

2.3 Nộp hồ sơ giảm tiền thuê đất

Người thuê đất nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất (bằng một trong các phương thức: trực tiếp, điện tử, bưu



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

GV Lawyers xin giới thiệu bài viết của Luật sư **Đỗ Đức Anh**, Luật sư của GV Lawyers có tiêu đề **“Có nên chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại không?”** được đăng trên báo Kinh Tế Sài Gòn ngày 12/10/2023, số 41-2023 (1.713).

Nhiều doanh nghiệp có xu hướng chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại vì thủ tục nhanh gọn và không bị kéo dài như giải quyết qua Tòa án. Nhưng thực tế có khi lại không đơn giản như vậy.

Trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp thay vì qua tòa án. Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết các tranh chấp thương mại[1]. Khi nhận định về phương thức giải quyết tranh chấp này, có ý kiến rằng “thủ tục gọn hơn (chỉ xử một lần thay vì xử nhiều cấp: sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm); phán quyết của trọng tài có hiệu lực thi hành ngay”[2].

Tuy nhiên, bất kỳ phương thức nào cũng có ưu điểm và nhược điểm. Để tối ưu hiệu quả, thì cần tìm hiểu cả hai mặt này.

Phán quyết trọng tài có thực sự là có hiệu lực thi hành ngay?

Điều 69 Luật Trọng tài thương mại 2010 có quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài, một bên có quyền làm đơn gửi tòa án có thẩm quyền yêu cầu hủy

phán quyết này nếu bên đó có đủ căn cứ chứng minh rằng phán quyết rơi vào các trường hợp bị hủy theo quy định của Luật Trọng tài thương mại.

Trên thực tế, có nhiều trường hợp một bên yêu cầu tòa án hủy phán quyết trọng tài (PQTT) và tòa án đã chấp nhận yêu cầu này. PQTT bị hủy đồng nghĩa với việc tiến trình giải quyết tranh chấp phải thực hiện lại từ đầu: tức là các bên có thể thỏa thuận đưa lại vụ tranh chấp ra giải quyết tại trọng tài hoặc một bên có thể khởi kiện tại tòa án và vụ tranh chấp sẽ trải qua quá trình xét xử sơ thẩm, rồi có thể là phúc thẩm.

Phí trọng tài

Để bắt đầu một vụ kiện trọng tài, các bên cần nộp đơn khởi kiện đến trung tâm trọng tài (nếu chọn giải

quyết tranh chấp tại một trung tâm trọng tài), sau đó nộp phí cho trung tâm trọng tài. Sau khi nhận được phí trọng tài, trung tâm trọng tài mới thông báo cho bị đơn và tiến hành các thủ tục để thành lập Hội đồng trọng tài.

Quay trở lại tình huống PQTT bị hủy như nêu trên. Lý do để PQTT bị hủy có nhiều[3], nhưng trong đó có lý do “Thành phần Hội đồng trọng tài, thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thoả thuận của các bên hoặc trái với các quy định của luật này (Luật Trọng tài thương mại 2010)” – lý do này phần nào có nguyên nhân xuất phát từ phía Hội đồng trọng tài.

Vậy trong trường hợp PQTT bị hủy, phí trọng tài đã nộp có thể được hoàn lại không? Câu trả lời là phụ thuộc vào quy định của từng trung

VIỆC CÓ NÊN LỰA CHỌN TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI ĐỂ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HAY KHÔNG CẦN ĐƯỢC CÂN NHẮC MỘT CÁCH CẨN TRỌNG, TÙY THUỘC VÀO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC KÝ LÀ HỢP ĐỒNG GÌ, CÁC BÊN THAM GIA TRONG HỢP ĐỒNG LÀ NHƯ THỂ NÀO. VÀ NGOÀI RA, VIỆC SOẠN THẢO ĐIỀU KHOẢN TRỌNG TÀI CŨNG CẦN CÓ SỰ DỰ LIỆU NHỮNG DIỄN BIẾN CÓ THỂ XẢY RA TRONG TƯƠNG LAI.



tâm trọng tài, nhưng phần lớn là không. Tức là nếu PQTT bị hủy thì nhiều khả năng là nguyên đơn không được nhận lại phí trọng tài đã nộp.

Điều này là khác với giải quyết tranh chấp bằng tòa án. Khi một phán quyết của tòa án bị hủy thì khi xét xử lại, tòa sẽ xem xét lại về nghĩa vụ chịu án phí; tức là nguyên đơn vẫn có cơ hội được nhận lại tiền tạm ứng án phí, nếu nguyên đơn được tuyên là bên thắng kiện.

Việc có nên lựa chọn trọng tài thương mại để giải quyết tranh chấp hay không cần được cân nhắc một cách cẩn trọng, tùy thuộc vào hợp đồng được ký là hợp đồng gì, các bên tham gia trong hợp đồng là như thế nào. Và ngoài ra, việc soạn thảo điều khoản trọng tài cũng cần có sự dự liệu những diễn biến có thể xảy ra trong tương lai.

Khi tranh chấp liên quan đến nhiều bên

Cần lưu ý rằng điều kiện tiên quyết để được giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại là giữa các bên phải có thỏa thuận trọng tài. Tức là nếu không có thỏa thuận trọng tài thì dù có nộp đơn khởi kiện, nộp phí trọng tài rồi, thì kết quả nhận lại cũng chỉ là một quyết định của hội đồng trọng tài tuyên rằng hội đồng trọng tài không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp và quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp này, bên khởi kiện và bên kiện lại (nếu có) sẽ được hoàn trả một phần phí trọng tài đã nộp, theo quy định cụ thể của trung tâm trọng tài.

Nhưng trong một số trường hợp, việc xác định thế nào là có thỏa thuận trọng tài không phải là điều dễ dàng.

Ví dụ: Công ty A ký hai hợp đồng riêng biệt với Công ty B và Công ty C, theo đó Công ty B và Công ty C sẽ thực hiện hai phần việc khác nhau, tuy là cùng trong khuôn khổ một dự án chung. Trong từng hợp đồng, A có thỏa thuận trọng tài với B, và A cũng có thỏa thuận trọng tài với C. Dự án sau đó có thiệt hại phát sinh đối với A, và A cho rằng cả B và C đều có lỗi. Vậy có thể xem như đã có thỏa thuận trọng tài giữa cả ba bên A, B, C, và trên cơ sở đó, A có quyền kiện cả B và C trong cùng một vụ tranh chấp để giải quyết bằng trọng tài hay không? Hay A phải kiện mỗi đối tác trong một vụ tranh chấp riêng biệt?

Câu trả lời thật khó để phân tích được hết trong khuôn khổ một bài báo. Ví dụ được đưa ra chỉ nhằm minh thị rằng khi có nhiều hơn hai bên tham gia vào tranh chấp, việc lựa chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài phải được xem xét một cách nghiêm túc, thỏa thuận một cách đầy đủ.

Nhưng có ý kiến cho rằng có thể đơn giản là không giải quyết tranh chấp bằng trọng tài nữa, A có thể kiện cả B và C trong cùng một vụ án ở tòa án là xong. Vậy xin xem tiếp dưới đây.

“Tòa án từ chối thụ lý trong trường hợp có thỏa thuận trọng tài”

Đây là nguyên tắc được quy định tại điều 6 Luật Trọng tài thương mại, cụ thể là: “Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại tòa án thì tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được”.

Như vậy, nếu đã có thỏa thuận trọng tài mà vẫn muốn kiện ở Tòa án thì phải rơi vào “trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được”.

Nhưng để biết được mình có thuộc “trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được” hay không, đôi khi sẽ phải trả giá bằng thời gian, và phí trọng tài để đạt được một phán quyết của trọng tài ghi nhận như vậy.

Có thể thấy rằng chỉ một điều khoản giải quyết tranh chấp cũng có thể ảnh hưởng lớn tới việc bảo vệ quyền và lợi ích của các bên trong trường hợp xảy ra tranh chấp. Việc có nên lựa chọn trọng tài thương mại để giải quyết tranh chấp hay không cần được cân nhắc một cách cẩn trọng, tùy thuộc vào hợp đồng được ký là hợp đồng gì, các bên tham gia trong

hợp đồng là như thế nào. Và ngoài ra, việc soạn thảo điều khoản trọng tài cũng cần có sự dự liệu những diễn biến có thể xảy ra trong tương lai.

[1] Theo định nghĩa tại Luật Trọng tài thương mại 2010, tranh chấp thương mại là tranh chấp giữa các bên phát sinh (i) từ hoạt động thương mại; và (ii) trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại.

[2] <https://tuoitre.vn/khi-co-tranh-chap-doanh-nghiep-nen-chon-trong-tai-hay-toa-an-de-giai-quyet-20210424153327492.htm>

[3] Có 05 trường hợp PQT bị hủy theo khoản 2 Điều 68 Luật TTTM 2010.

1. Chính sách miễn tiền thuê đất

Việc thu hồi số tiền thuê đất đã được miễn theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị định 123/2017/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện người sử dụng đất đã được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước nhưng không đáp ứng các điều kiện để được miễn, giảm tiền thuê đất có nguyên nhân từ phía người sử dụng đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích đã được ghi tại quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất. Người sử dụng đất không phải hoàn trả số tiền được miễn, giảm theo địa bàn ưu đãi đầu tư.

Nếu Công ty không thuộc trường hợp không đáp ứng các điều kiện để được miễn, giảm tiền thuê đất có nguyên nhân từ phía người sử dụng đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích đã được ghi tại quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất thì không bị thu hồi số tiền thuê đất đã được miễn theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị định 123/2017/NĐ-CP.

Tổng cục thuế trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Mai Thanh tại Công văn số 4034/TCT-CS ngày 13/9/2023.

2. Đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc có mã số thuế đã chuyển trạng thái thành người nộp thuế

Trường hợp con của người lao động đang theo học tại bậc học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đại học và không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng thì được xác định là người phụ thuộc để người nộp thuế đăng ký giảm trừ gia cảnh theo

hướng dẫn tại tiết d.1.3 điểm d khoản 1 Điều 9 của Thông tư 111/2013/TT-BTC.

Trường hợp người lao động chưa làm thủ tục cắt giảm người phụ thuộc thì được tiếp tục tính giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc đáp ứng đủ điều kiện xác định là người phụ thuộc nêu trên.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ BIDV MetLife tại Công văn số 69625/CTHN-TTHT ngày 27/9/2023.

3. Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có lợi nhuận từ việc đầu tư trực tiếp tại Việt Nam

Nhà đầu tư Hàn Quốc được chuyển lợi nhuận ra nước ngoài khi kết thúc năm tài chính hoặc khi kết thúc hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam sau khi doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật, đã nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán và tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế thực hiện theo quy định tại Điều 70 của Thông tư 80/2021/TT-BTC.

Tổng cục thuế trả lời vướng mắc của Đại sứ quán Đại Hàn dân Quốc tại Công văn số 4480/TCT-CS ngày 10/10/2023.

4. Xác định giao dịch liên kết

Trường hợp Công ty phát sinh khoản vốn vay chiếm ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của Công ty thì Công ty thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 132/2020/NĐ-CP.

Trường hợp có Công ty A tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành,

kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào Công ty thì quan hệ giữa Công ty A và Công ty được xác định là quan hệ liên kết theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định 132/2020/NĐ-CP.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty CP Địa ốc Alpha Nam tại Công văn số 69112/CTHN-TTHT ngày 25/9/2023.



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

1. Đề xuất giảm thuế VAT 2% trong nửa đầu năm sau

Để kịp thời ứng phó với diễn biến tình hình kinh tế - xã hội, đồng thời cân nhắc, tính toán phù hợp với điều kiện thực tế, Bộ Tài chính cho rằng cần triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất đã ban hành trong năm 2023 và nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp về giảm thuế, phí, lệ phí cho năm 2024.

Theo đó, Bộ Tài chính kiến nghị tiếp tục xem xét giảm thuế VAT 2% trong 6 tháng đầu năm 2024 như đã, đang áp dụng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân.

Cụ thể: giảm 2% thuế VAT áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%). Trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ gồm viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản xuất kim loại và sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, ngành khai khoáng (không kể khai thác than), sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất, các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt không được áp dụng chính sách này.



Bộ Tài chính đề xuất giảm thuế VAT 2% trong 6 tháng đầu năm 2024 đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ. Ảnh: QUANG ĐỊNH

Thời gian áp dụng từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024.

Và giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc tiếp tục giảm thuế VAT sau thời điểm 30/6/2024 nếu tình hình kinh tế và doanh nghiệp, người dân vẫn còn khó khăn, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Theo Bộ Tài chính, việc thực hiện chính sách giảm thuế VAT 2% trong sáu tháng đầu năm 2024 dự kiến sẽ giảm thu ngân sách nhà nước khoảng 25.000 tỉ đồng. Trong đó, mức giảm thu mỗi tháng đối với khâu nội địa là khoảng 2.700 tỉ đồng; giảm thu khâu nhập khẩu khoảng 1.475 tỉ đồng.

Theo tuoitre.vn

2. Dự kiến giảm 50% thuế môi trường với xăng dầu đến hết năm 2024

Chính sách giảm thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu được áp dụng từ tháng 4 năm 2022. Hiện mức thuế này vẫn đang được giảm 50%, tương ứng 2.000 đồng tính trên một lít xăng (trừ etanol) và 1.000 đồng với mỗi lít dầu diesel. Tuy nhiên, chính sách này hết hiệu lực vào cuối năm nay, kéo theo thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu sẽ quay lại mức trần từ đầu năm sau.

Để tránh ảnh hưởng đến tâm lý, đời sống sinh hoạt, sản xuất của người dân và doanh nghiệp, Bộ Tài chính đang lấy ý kiến các bộ ngành, địa phương... để kéo dài chính sách này đến hết 2024.

Theo đó, phương án giảm thuế bảo vệ môi trường trong 2024 được Bộ Tài chính đề xuất tương tự theo Nghị quyết 30/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội. Thuế bảo vệ môi trường với xăng, trừ etanol dự kiến trong 2024 vẫn là 2.000 đồng một lít; nhiên liệu bay, dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn là 1.000 đồng một lít; mỡ nhờn 1.000 đồng một kg; dầu hỏa 600 đồng một lít.



Nếu áp dụng theo đề xuất của Bộ Tài chính, dự kiến số thu thuế BVMT năm 2024 sẽ giảm khoảng 38.929 tỉ đồng. Ảnh: NGOC THẮNG

Từ 2025, thuế bảo vệ môi trường dự kiến quay về mức trần, theo quy định là xăng, trừ etanol là 4.000 đồng một lít;

nhiên liệu bay 3.000 đồng một lít; dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn là 2.000 đồng một lít; dầu hỏa 1.000 đồng một lít; mỡ nhờn là 2.000 đồng một kg.

Theo Bộ Tài chính, xăng dầu là mặt hàng thiết yếu và là đầu vào của nhiều ngành sản xuất, tác động đến nhiều đối tượng trong nền kinh tế. Việc giảm thuế sẽ tác động trực tiếp giá bán lẻ xăng dầu trong nước, góp phần giảm chi phí sản xuất cho các doanh nghiệp, đặc biệt nhóm giao thông vận tải, vận chuyển, đánh bắt thủy sản, dịch vụ khí đốt... Bên cạnh đó, giảm giá xăng dầu cũng góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Theo vnexpress.net

ĐỌC BÁO GIÚP BẠN



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải.	11/10/2023	27/11/2023
2	Nghị định 70/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152/2020/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.	18/9/2023	18/9/2023
3	Nghị định 69/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 159/2020/NĐ-CP về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.	14/9/2023	14/9/2023
4	Nghị quyết 165/NQ-CP về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9 năm 2023.	06/10/2023	06/10/2023
5	Nghị quyết 164/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2023 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương.	04/10/2023	04/10/2023
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ			
1	Quyết định 25/2023/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023.	03/10/2023	20/11/2023
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Thông tư 62/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 25/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.	03/10/2023	03/10/2023
2	Thông tư 61/2023/TT-BTC định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.	28/9/2023	15/11/2023
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO			
1	Án lệ số 69/2023/AL về thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh.	01/10/2023	01/10/2023
2	Án lệ số 69/2023/AL về thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh.	01/10/2023	01/10/2023
3	Án lệ số 68/2023/AL về quyền nhận di sản bằng hiện vật là nhà ở của người thừa kế là người Việt Nam định cư ở nước ngoài.	01/10/2023	01/10/2023
4	Án lệ số 67/2023/AL về người được nhận hiện vật khi chia tài sản chung.	01/10/2023	01/10/2023
TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM			
1	Hướng dẫn 92/HD-TLĐ năm 2023 về Công đoàn khởi kiện và tham gia tố tụng dân sự giải quyết vụ án lao động, việc lao động tại Tòa án.	31/8/2023	31/8/2023



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI

info@gvlawyers.com.vn

Trụ sở chính – TP. HCM

Tầng 8, Tòa nhà Centec
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10A, Tòa nhà CDC
25 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 (24) 3208 3555

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 3, Tòa nhà Indochina
Riverside, 74 Bạch Đằng
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc chưa được cập nhật kịp thời tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

www.gvlawyers.com.vn

